

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2018/HNGĐ-ST
Ngày 12-7-2018
V/v không công nhận quan hệ vợ
chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Lượng;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa: Bà Bò Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã T tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 250/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn H, sinh năm 1970; địa chỉ thường trú: Ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: Tổ 7, khu phố T, phường Th, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Dương Thị H', sinh năm 1970; địa chỉ thường trú: Ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: Cư xá H, Khu phố 8, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phạm Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Ông Phạm Văn H và bà Dương Thị H' có thời gian tìm hiểu nhau thì tiến tới hôn nhân, vợ chồng chỉ tổ chức hôn lễ theo phong tục tập quán và bắt đầu sống chung với nhau từ tháng 11 năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc

nhưng đến năm 2016 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong vấn đề kinh tế của gia đình nên dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, ông H yêu cầu Tòa án không công nhận ông H và bà H' là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông H và bà H' có ba người con chung gồm: Phạm Vũ C, sinh ngày 01/01/1990; Phạm Mỹ D, sinh ngày 01/01/1993 và Phạm Ngọc B, sinh ngày 01/01/1995. Do các con đã thành niên nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Ông H tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Bà Dương Thị H' trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị H' thống nhất với lời trình bày của ông H về thời gian tìm hiểu và thời gian chung sống. Bà H' xác nhận bà H' và ông H chỉ tổ chức lễ cưới và bắt đầu sống chung với nhau như vợ chồng từ tháng 11/1989 đến nay chứ không đăng ký kết hôn, không được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp, mâu thuẫn trong vấn đề kinh tế gia đình nên vợ chồng xảy ra cãi vã, ông H nhiều lần đánh bà H'. Hiện nay ông H và bà H' không còn sống chung với nhau. Tuy nhiên, bà H' không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H vì hiện nay vợ chồng còn nợ bên ngoài nên bà H' muốn ông H chung sống cùng nhau để thanh toán nợ.

Về con chung: Bà H' thống nhất với lời trình bày của ông H về con chung. Do các con đã thành niên nên bà H' cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Bà H' tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên lời trình bày và không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tổ tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn mà bị đơn cư trú tại thị xã T và nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã T giải quyết. Căn cứ vào Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa, ông Phạm Văn H và bà Dương Thị H' thống nhất xác định vợ chồng chung sống với nhau từ tháng 11 năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, ông H và bà H' là những người có đủ điều kiện kết hôn nhưng chung sống với nhau từ năm 1989 đến nay mà không đăng ký kết hôn nên vi phạm Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, đây là hôn nhân không hợp pháp.

[2.2.] Về mâu thuẫn vợ chồng: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Ông H xác định nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn xuất phát từ việc vợ chồng không thống nhất trong việc chi tiêu gia đình và mua đất xây dựng nhà, từ đó xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, ông H và bà H' nhiều lần cãi vã, xô xát. Bị đơn bà H' cũng xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như ông H trình bày, khi xảy ra mâu thuẫn thì ông H có đánh bà H', tuy nhiên hiện tại gia đình còn nợ bên ngoài rất nhiều nên bà H' không đồng ý ly hôn với ông H. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà H' là có thật, cả hai đều thừa nhận quá trình chung sống có mâu thuẫn trầm trọng và ông H xác định không chung sống với bà H' được nữa. Xét, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà H' là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên, hôn nhân giữa ông H với bà H' là không hợp pháp cho nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cho ông H' ly hôn với bà H mà căn cứ vào Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận vợ chồng với bị đơn bà Dương Thị H'.

[2.3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông H và bà H' có ba người con chung gồm: Phạm Vũ C, sinh ngày 01/01/1990; Phạm Mỹ D, sinh ngày 01/01/1993 và Phạm Ngọc B, sinh ngày 01/01/1995. Do các con đã thành niên nên các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Văn H phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa

14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn H về việc tranh chấp ly hôn với bị đơn bà Dương Thị H' như sau:

- Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Phạm Văn H và bà Dương Thị H' là vợ chồng.

- Về con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Văn H phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0014034 ngày 06/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tâm